

HÀN PHI TỬ - NGƯỜI SÁNG LẬP HỌC THUYẾT PHÁP TRỊ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

*ThS. ĐỖ ĐỨC MINH **

1. Thân thế và sự nghiệp của Hàn Phi Tử

Hàn Phi Tử (280 - 233 TCN) là công tử nước Hàn, tức là con trai của vua nước Hàn nhưng không phải là người được thừa kế ngôi vua. Xuất thân từ tầng lớp quý tộc nhưng ông có lòng yêu nước rất cao, ghét bọn quý tộc bảo thủ, trọng kẻ sĩ giỏi pháp thuật và luôn có tinh thần cách mạng, tiến bộ. Ông học rộng, biết cả đạo Nho, Lão nhưng thích nhất học thuyết của các pháp gia, có nhiều tư tưởng mới về chính trị. Là học trò của Tuân Tử,⁽¹⁾ Hàn Phi tiếp thu nho giáo và rất thông thạo về lịch sử, văn học. Cùng học với ông có Lý Tư⁽²⁾ (sau này là thừa tướng nước Tần). Chủ trương của Tuân Tử là dùng lễ để trị nước. Lễ và pháp luật rất gần nhau nên cả Hàn Phi và Lý Tư đều chuyển sang pháp trị.

Nước Hàn nhờ Thân Bất Hại mà yên ổn 15 năm nhưng từ khi ông chết, nước Hàn rất suy nhược, đất hẹp không được ngàn dặm lại ở vị thế nguy hiểm tại ngay cửa ngõ của Tần. Về nước, thấy nước Hàn yếu đuối, vì yêu nước và muốn cho nước mạnh, Hàn Phi dâng sớ lên An Vương nước Hàn đề nghị tiến hành cải cách (biến pháp). Ông nhiều lần dâng sớ lên vua Hàn mong cải cách chính trị nhưng không được trọng dụng. Lòng đầy bất mãn, ông bèn xét được mắt của bậc vua chúa của các triều đại trước đó, biên soạn nên các thiên “Cô phần”, “Ngũ đồ”, “Thuyết nan” hơn mười vạn chữ, mục đích để mong vua

Hàn tinh ngộ, thi hành pháp trị, giúp nước Hàn giàu mạnh lên. Theo ông muốn cho nước mạnh thì phải dùng thuật và pháp, cải tổ lại nội chính và không thể trông chờ vào ngoại giao. Nhưng Hàn An Vương đã bỏ ngoài tai những đề nghị đầy tâm huyết đó của ông.

Sống trong thời kì nước sôi lửa bỏng, đau khổ vì trí tuệ lớn, lại bị tật nói ngọng không thể đi du thuyết được, Hàn Phi dành hết tâm lực làm nên bộ sách Hàn Phi Tử gồm 55 chương, 20 quyển, hơn 10 vạn chữ chỉ bàn về pháp trị, trong đó thể hiện những nhận thức cơ bản của ông về thời thế, lịch sử xã hội, đạo đức và hình pháp. Bộ sách trở thành đỉnh cao lí luận về pháp luật và trở thành kinh điển gói trọn tư tưởng pháp gia.⁽³⁾ Năm 234 TCN, Tần Thủy Hoàng⁽⁴⁾ đọc được tác phẩm của Hàn Phi, khi xem đến hai thiên Cô phần và Ngũ đồ thì ông không cầm được lòng thán phục: Than ôi, giá như ta được gặp người này và cùng với anh ta đi dạo chơi thì chết cũng không tiếc. Đó là sự đồng cảm giữa vua Tần và Hàn Phi đối với một số quan điểm về thuật trị nước, nhất là vai trò của nhà vua. Câu chuyện này được lưu truyền và trở thành giai thoại đẹp giữa bậc văn nhân với đấng quân vương trong lịch sử văn hoá Trung Hoa.⁽⁵⁾

Khi Tổ quốc lâm nguy, Hàn Phi được giao nhiệm vụ sang Tần để cứu nước Hàn

* Văn phòng thành uỷ Hải Phòng

khôi bị Tần diệt. Ông dâng lên vua Tần bài Tồn Hàn, ra sức thuyết phục vua Tần đừng đánh nước Hàn. Nhân cơ hội ấy, Lý Tư và Diêu Giả ra sức gièm pha, cho ông là kẻ chỉ mưu lợi cho Hàn mà làm hại nước Tần. Bị tổng giam vào ngục, Hàn Phi gửi bài “Lần đầu yết kiến vua Tần”, vua Tần xem xong rất phục, ra lệnh thả ngay Hàn Phi. Nhưng Lý Tư vốn ghen cái tài của bạn mà Tư hiểu là con người giỏi nhất về chính trị của thời đại nên đã bắt Phi uống thuốc độc và nhà tư tưởng vĩ đại đã qua đời trong ngục tối ở Vân Dương (tỉnh Thiểm Tây ngày nay), kết thúc cuộc đời bi thảm vào năm 233 TCN. Ba năm sau khi ông chết, Vương An bị bắt sống, nước Hàn bị diệt và 11 năm sau Trung Quốc thống nhất.⁽⁶⁾

2. Những tiền đề tư tưởng của học thuyết pháp trị trước khi Hàn Phi Tử xây dựng học thuyết pháp trị

Cũng như tất cả những học thuyết tư tưởng khác, học thuyết pháp trị được nảy mầm từ hiện thực của đời sống xã hội và trải qua quá trình phát triển lâu dài của những nấc thang tư tưởng từ thấp đến cao, từ những tiền đề đơn giản đầu tiên để trở thành học thuyết hoàn chỉnh. Những tiền đề tư tưởng đó trở thành chất liệu và nền tảng quan trọng để Hàn Phi Tử xây dựng nên học thuyết pháp trị.

2.1. Tư tưởng đề cao pháp luật - sự khởi đầu của đường lối pháp trị

Tư tưởng về hình pháp xuất hiện rất sớm trong xã hội Trung Quốc cổ đại. Trong thời kì đầu của nhà Chu, người ta dùng hai phương pháp trị dân áp dụng cho hai tầng lớp xã hội: một là lễ áp dụng tầng lớp quý tộc; hai là hình chỉ áp dụng cho tầng lớp thứ

dân theo nguyên tắc “Hình không lên tới đại phu, lễ không xuống đến thứ dân”.

Việc sử dụng pháp luật là quyền của quý tộc, dân chỉ biết tuân theo. Cách cai trị đó tất yếu dẫn đến sự hủ bại của tầng lớp thống trị, dân oán, nước suy. Trong tình hình ấy, việc xây dựng nước giàu, binh mạnh để thôn tính các nước khác, đề xung bá đã trở thành yêu cầu và mục đích chính trị của nhiều quốc gia, nhiều nhà tư tưởng. Muốn nước giàu, binh mạnh thì phải đề cao pháp luật, đề cao người sản xuất và chiến đấu, tước bớt đặc quyền của tầng lớp quý tộc, không chấp nhận một lớp người sử dụng pháp luật mà không bị pháp luật chi phối và một lớp người luôn là đối tượng bị pháp luật hạn chế mà không được pháp luật bảo vệ. Quản Trọng,⁽⁷⁾ tướng quốc nước Tề dưới thời Tề Hoàn Công - người có công giúp vua Tề trở thành bá chủ đầu tiên đã có tư tưởng đề cao pháp luật, dùng pháp luật để trị nước. Ông thực hiện chính đốn thuế khoá, bỏ chế độ tính điền và thay bằng việc định mức thuế, tích trữ hàng hoá để cung cấp cho xã hội khi thiếu hụt. Bằng các biện pháp đó, Quản Trọng đã hoà hoãn mâu thuẫn trong nước, tranh được nhiều quyền lợi bên ngoài và làm cho nước Tề mạnh lên. Tiếp theo, đến thế kỉ thứ VI TCN, Tử Sản⁽⁸⁾ - Tử Sản một chính khách của nước Trịnh đã thực hiện cải cách với các nội dung: quy tụ quyền sở hữu ruộng đất và tập trung binh lực, vũ khí về chính phủ trung ương, ban bố luật thống nhất về hình phạt... Tử Sản đã đặt “Hình thư”, cho đem những điều luật khắc trên đỉnh để công bố cho mọi người đều để thực hiện. Kết quả của cải cách đã nâng cao sức sản xuất và quyền

lực của nhà nước; hạn chế được những việc làm sai trái và thay đổi hẳn tình trạng không có chỗ dựa pháp luật trước đó.

Những đại biểu đầu tiên của phái pháp trị như Quán Trọng, Từ Sản hay Ngô Khởi, Lý Khôi sau này mới chỉ chú trọng đến yếu tố pháp luật, chủ trương dùng pháp luật để cai trị đất nước thay lễ nghĩa nhưng chưa thực sự đoạn tuyệt với đạo đức.

2.2. *Tư tưởng pháp trị phát triển cùng với sự hình thành trường phái pháp gia với các học phái “Thuật”, “Thế”, “Pháp”*

Đến thời Chiến quốc, những người theo tư tưởng pháp trị đã tập hợp thành một trường phái (pháp gia). Họ không chỉ chủ trương dùng pháp luật để cai trị mà còn kết hợp với những phương tiện khác để trị nước. Đồng thời trong tư tưởng của các đại biểu pháp gia, chính trị đã thực sự li khai với đạo đức, vai trò của pháp luật tiếp tục được khẳng định và đề cao. Sự khác nhau trong chủ trương lựa chọn phương tiện kết hợp với pháp luật của các pháp gia đã hình thành nên ba khuynh hướng tư tưởng đề cao “Thế” (của Thận Đáo), “Pháp” (của Thương Ương) và “Thuật cai trị” (của Thân Bất Hại).

Thân Bất Hại⁽⁹⁾ là thừa tướng của nước Hàn dưới thời vua Hàn Chiêu Hầu. Khác với các pháp gia trước đây ít nhiều còn tôn trọng đạo đức, chưa thực sự tách khỏi quỹ đạo của Nho gia thì Thân Bất Hại mới là người chính thức đưa chính trị li khai đạo đức. Xuất phát từ lập trường của một địa chủ mới kiêm thương nhân, khi tham chính ông cực lực phản đối chế độ danh phận đẳng cấp và cách cai trị chỉ dựa vào lợi ích. Ông đề nghị Chiêu Hầu dùng quyền thuật để điều khiển hạ thần

nên Hàn có quân đội mạnh không ai dám xâm phạm. Ông ủng hộ chủ trương dùng pháp để phủ định thay thế lễ. Về phương diện quản lí, Thân Bất Hại đề cao “Thuật”, tức là dùng mưu mô để đạt được mục đích. Chủ trương dùng Thuật của ông xuất phát từ thuyết hình danh (danh phải đúng với thực): *“Học thuyết của Thân Tử... lấy việc hình danh làm chủ”*,⁽¹⁰⁾ tức là chú trọng và đề cao các thủ pháp cai trị. Thân Bất Hại cho rằng: *“tai, mắt, tâm và trí người ta không đủ để dựa vào... Vì vậy làm vua thiên hạ không thể không xét đến các lễ ấy... Các bậc vua xưa kia chỉ làm rất ít nhưng gọi cho người ta làm thì nhiều. Gọi cho người ta làm đó là thuật của người làm vua... Thuật tức là phân tủy tài mà giao chức, theo danh vị mà đòi trách lấy việc thực, nắm quyền sinh sát, xét tài năng của cả quần thần, đó là cái mà bậc đứng đầu người ta phải nắm vậy... cai trị thì không được vượt quá quan chức, tuy biết mà không nói”*. Với chủ trương “vô đức bất quý, vô năng bất quan” (kẻ thiếu đức không đáng hưởng địa vị cao sang, người thiếu tài không được làm quan) và nguyên tắc “xét công mà ban tước, tủy tài mà giao chức”, Thân Bất Hại đã phủ định đặc quyền thế tập tước vị và chức vụ nhà nước của giai cấp quý tộc, muốn giải thoát con người khỏi cương tỏa của chế độ phong kiến. Vì vậy, ông vấp phải sự chống đối quyết liệt của các quý tộc cũ và ông đã thất bại. Chủ trương dùng pháp luật và thuật cai trị của Thân Bất Hại đúng nhưng chưa đủ, vì còn thiếu một điều kiện để đảm bảo cho pháp luật có thể thực thi, đó là quyền lực.

Thận Đáo⁽¹¹⁾ là Pháp gia đầu tiên bàn về Thế và đề cao sức mạnh, tác dụng của quyền

thể. Cũng như Thân Bất Hại, ông cực lực đả kích chủ trương nhân trị của giai cấp quý tộc cũ và cho rằng phải xây dựng nền chính trị dựa trên cơ sở pháp luật: *“Pháp luật không hoàn hảo cũng còn hơn không có pháp luật, vì nó có thể thống nhất được lòng người”*.⁽¹²⁾

Song ông lại cho rằng: tuy pháp luật là nguyên tắc cao nhất của chính trị nhưng nếu không có quyền thế thì pháp luật cũng vô hiệu, vì quyền thế đặt ra pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thi hành. Quyền thế được ông hết sức ca ngợi: *“Con rồng bay cười mây, con rắn lượn trong sương mù. Mây tan mù tạnh thì con rồng con rắn cũng chẳng khác gì con giun, con kiến vì đã mất chỗ dựa vào. Người hiền mà phải khuất phục trước kẻ hư hỏng, đó là vì quyền mình nhẹ, địa vị mình thấp. Người hư hỏng mà có khuất phục được người hiền, đó là vì quyền cao, địa vị mình cao. Nghiêu làm kẻ thất phu thì không cai quản được ba nhà, còn Kiệt làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ. Ta căn cứ vào đó thì biết cái thế và địa vị đù đề nhờ cậy, còn sự khôn ngoan sáng suốt không đủ làm cho ta hâm mộ”*.⁽¹³⁾

Để đảm bảo quyền thế của người cai trị, Thận Đáo chủ trương thiết lập nhà nước tập quyền thống nhất, trong đó mọi quyền lực đều thuộc về nhà vua. Phát hiện và đề cao quyền lực của Thận Đáo là bước tiến bộ hơn Thân Bất Hại song ông lại thụt lùi ở chỗ chưa nhìn thấy vai trò của Thuật là cơ sở bảo đảm cho quyền lực được bền vững. Do đó, chủ trương của ông đưa ra thực hiện bị thất bại là không tránh khỏi.

Thương Ương⁽¹⁴⁾ là người chủ trương “trọng pháp” và khởi xướng tư tưởng về

“Pháp” và “Biến pháp” trong quản lí. Ông đề cao hình pháp nhưng cho rằng hình pháp cũng phải thay đổi theo thời thế. Trên lập trường của tầng lớp địa chủ, ông cho rằng pháp luật là cái gốc để thiết lập và phát triển chế độ mới. Theo ông pháp luật phải được ban bố khắp trong nước để mọi người đều biết và thi hành. Pháp luật cũng phải được thực hiện nghiêm, ai có tội thì phạt và tội dù nhẹ cũng phạt thật nặng cho dân sợ để sau khỏi dùng hình phạt. Trong 10 năm làm tướng quốc cho Tần, Thương Ương đã thi hành chủ trương của mình qua 2 cuộc cải cách nhằm thúc đẩy sản xuất, chống lại những quý tộc phong kiến cũ lười nhác dựa vào huyết thống để được hưởng thụ, tăng cường trung ương tập quyền. Biến pháp của Thương Ương đã đưa nước Tần thành quốc gia cường thịnh, lần lượt thôn tính các nước khác nhưng cuối cùng ông lại trở thành nạn nhân của chủ trương cai trị đó. Tư tưởng về pháp luật của Thương Ương có nhiều tiến bộ, song cũng như Thận Đáo, ông chỉ dừng lại ở “Thế” và “Pháp” mà chưa chú trọng đến yếu tố “Thuật” cai trị.

Chủ trương của các nhóm Thuật, Thế, Pháp là sự phát triển và sâu sắc hơn so với Quản Trọng và Tử Sản; qua đó sẽ nâng tư tưởng pháp trị lên trình độ cao hơn. Song những tư tưởng của họ mới chỉ là những quan điểm thuật pháp riêng rẽ về hành xử chính trị-hành chính, vẫn còn hạn chế căn bản là tính phiến diện, chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Do chưa tạo ra được cơ sở luận chứng vững chắc, chưa vươn đến tầm học thuyết nên tư tưởng của họ chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

3. Hàn Phi tử tổng hợp, thống nhất các học phái Pháp, Thế, Thuật và bổ sung, phát triển lí luận pháp trị thành học thuyết chính trị-pháp lí

3.1 *Hàn Phi Tử tổng hợp, thống nhất (tập đại thành) các học phái Pháp, Thế, Thuật*

Trước Hàn Phi, tư tưởng pháp trị đã xuất hiện và có quá trình phát triển song các đại biểu lúc đó mới chỉ đạt được những thành tựu tư tưởng trên những mặt nhất định. Bắt tay xây dựng học-thuyết của mình, Hàn Phi đã tiến hành tổng kết toàn bộ tư tưởng pháp trị của những người đi trước. Theo ông, Thân Bất Hại thất bại trên chính trường là do chỉ dùng “Thuật” cai trị mà không thi hành các yếu tố khác của Pháp gia. Ông viết: *“Thân Bất Hại có giúp cho Chiêu Hầu dùng thuật đến 10 lần, kẻ gian vẫn có chỗ nói quỷ quyết được. Cho nên dầu có dựa vào sức mạnh một vạn xe của nước Hàn mà 17 năm vẫn không làm nên nghiệp bá vương, dầu cho bề trên có dùng thuật giỏi thì cũng bị cái vạ là pháp luật không thấm nhuần vào được các quan”*. Bàn về tư tưởng của Thận Đáo, Hàn Phi mặc nhiên công nhận rằng “Thế” tuy cần thiết nhưng vẫn chưa đủ. Theo ông, nhà cầm quyền phải dùng quyền thế của mình nhưng cũng phải biết giữ pháp luật (tức là phải có “Thuật”). Về hạn chế của Thương Ương, theo Hàn Phi là ở chỗ không nhìn thấy vai trò của “Thuật” và sự gấn bó, tác động qua lại bổ sung đối với “Pháp”. Ông nói: *“Nhà vua mà không có Thuật thì cái tệ ở nơi người trên, bày tôi mà không có Pháp thì cái loạn do kẻ dưới. Vậy không thể thiếu một trong hai cái (Thuật và Pháp) được”*.⁽¹⁵⁾ Như vậy, Hàn Phi đã phê phán quan điểm phiến diện

của cả ba phái Pháp, Thuật, Thế và nêu rõ tính tất yếu phải hợp nhất lại vì theo ông, chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Trong tư tưởng Trung Quốc cổ đại, “Pháp” là phạm trù triết học được hiểu theo hai nghĩa: theo nghĩa rộng, “Pháp” là thể chế quốc gia, là chế độ chính trị xã hội của đất nước; theo nghĩa hẹp, “Pháp” là những luật lệ, pháp lệnh quốc gia, mang tính nguyên tắc và khuôn mẫu, là phương tiện chủ yếu để cai trị.⁽¹⁶⁾ Kế thừa và phát triển lí luận của các pháp gia thời trước, Hàn Phi cho rằng: *“Pháp luật là mệnh lệnh ban bố rõ ràng ở nơi của công, hình phạt chắc chắn đối với lòng dân, thưởng cho những kẻ cần thận giữ pháp luật nhưng phạt những kẻ làm trái lệnh”*.⁽¹⁷⁾ Trong thiên “Hữu độ” ông coi pháp như dây mực, cái thủy chuẩn, cái quy, cái cù (thước tròn, thước vuông) của người thợ, là cái nhờ nó mà đạt được sự ngay thẳng, chính xác. Như vậy, pháp luật được Hàn Phi xem là tiêu chuẩn để phân biệt đúng sai, chính tà, là phương tiện mà người cầm quyền phải dùng để điều khiển đất nước. Nội dung chủ yếu của pháp luật là “thưởng” và “phạt”, Hàn Phi gọi chúng là hai đòn bẩy (nhị bình) trong tay vua để giữ vững chính quyền. Quan điểm chủ đạo của Hàn Phi là đề cao vai trò của pháp luật và dùng pháp luật hà khắc để trị nước.

Ông cho rằng chỉ có “Pháp” mà thiếu quyền uy thì dẫu người làm vua có “Thuật” điều khiển cũng không thể bảo đảm “các bày tôi” phục tùng sự cai trị; dẫu có pháp luật nhưng người dân không tuân theo cũng không thể đạt được yêu cầu quán lí; vì vậy, cần phải có “Thế” để “Pháp” được thực thi và “Thuật” được bảo đảm. Thế là địa vị, thế

lực và quyền uy của người cầm đầu chính thể (vua). Địa vị, quyền uy này là độc tôn, gọi là tôn quân quyền mà nhất nhất mọi người phải tuân phục. Thế có vị trí quan trọng đến mức có thể thay thế được hiền nhân: “Nghiêu khi làm kẻ thuộc hạ mà giáo dục dân chúng không nghe nhưng đến khi quay mặt về hướng nam làm vương thiên hạ thì lệnh ban ra được thi hành, điều ngăn cấm bắt người ta phải thôi. Do đó mà xét thì tài giỏi khôn ngoan không đủ để làm dân chúng phục theo mà cái thế và địa vị đủ làm cho người hiền già phải khuất phục vậy”.⁽¹⁸⁾ Và: “Kiệt làm thiên tử thì có thể không chế thiên hạ. Không phải vì ông ta hiền nhưng cái thế của ông ta năng. Nghiêu làm kẻ thất phu thì không sửa nổi ba nhà. Không phải vì ông ta hư hỏng mà vì cái địa vị của ông ta thấp”.⁽¹⁹⁾ Quan niệm về “Thế” của Hàn Phi là một thứ quyền lực đặt ra phù hợp với yêu cầu của pháp luật, chứ không phải thứ quyền lực nảy sinh một cách tự nhiên trong chủ nghĩa nhân trị.

Ngoài ra, để thi hành pháp trị, nhà vua còn phải có “Thuật” để duy trì pháp luật và củng cố “Thế”. Hàn Phi cho rằng, cái lợi của vua chúa và bề tôi khác nhau nhưng trong xã hội ai cũng chỉ lo tư lợi; vì vậy phải có “Thuật” để người làm vua điều khiển quan lại, buộc họ phải tuân thủ và không được lạm dụng pháp luật. Hàn Phi đã phê bình Thương Ưởng rằng chỉ có pháp luật nhưng không có thuật thì không biết rõ kẻ gian. Dù pháp luật có tỏ vẻ giải thích ra rõ mười phần, người làm tội vẫn ngược lại dùng nó để làm chỗ dựa để mưu đồ lợi riêng... Do vậy, người làm “Chúa” phải có Thuật với tư cách nghệ thuật, phương pháp điều hành quản lý. Theo

Hàn Phi, khác với pháp luật cần phải được phổ biến rộng rãi để mọi người dân được biết và tuân theo: “*Thuật là cái nằm kín đáo trong bụng, để so sánh các đầu mối của sự việc và ngắm ngòm cai trị các bề tôi... Dùng “thuật” thì làm cho kẻ thân yêu gần gũi cũng không ai biết được*” (tâm thuật). Nội dung của “Thuật” gồm bổ nhiệm, khảo hạch và thưởng phạt, được thể hiện trong việc dùng người và kiểm tra công việc. Trừ gian là khía cạnh tiêu cực của việc dùng người để tăng công hiệu tích cực của “Thuật”. Khi bổ nhiệm quan lại thì căn cứ vào tài năng là chính, không cần kể đến đức hạnh, dòng dõi. Nhưng đồng thời phải thường xuyên kiểm tra hiệu quả công tác (khảo hạch). Làm tốt thì được thưởng, làm không tốt thì bị phạt (thưởng phạt). Dùng người là vấn đề sử dụng nhân tài của các bậc đế vương. Nguyên tắc cơ bản của thuật dùng người là “chính danh”, “hình danh” hay “thực danh”, tức “theo danh mà trách thực”. Đây là phương pháp, thao tác tư tưởng quan trọng để xác định giá trị của việc làm, xét tên gọi và việc làm, xét việc làm và lời nói... có hợp với nhau không. Với thuật “thẩm hình hợp danh”, Hàn Phi đã ứng dụng lí luận “chính danh thực” của Danh gia vào chính trị thực tế, thành chủ trương lí luận phải được kiểm chứng bằng thực tiễn.

Từ sự phê phán ba học phái Pháp gia, Hàn Phi chủ trương phải coi trọng cả ba yếu tố “Pháp”, “Thế”, “Thuật”, coi đó là sự thống nhất không thể tách rời vì chúng phải dựa vào nhau mà tồn tại và phát huy tác dụng. Theo Hàn Phi, “Pháp” là nội dung và trung tâm của chính sách cai trị được thể hiện bằng luật lệ; “Thuật” và “Thế” là

phương pháp, điều kiện tất yếu để thực hiện nội dung của chính sách cai trị. Đồng thời, pháp luật được thực thi sẽ là cơ sở để giữ vững và phát huy tác dụng của “Thuật” và “Thế”. Cả ba yếu tố này đều là công cụ của đế vương. Như vậy Hàn Phi đã phát hiện ra những hạn chế căn bản của các nhóm pháp gia trước đây đồng thời cũng chính ông là người khắc phục những hạn chế đó trên cơ sở tổng hợp và thống nhất các nhóm “Pháp”, “Thế”, “Thuật” trong một học thuyết duy nhất. Từ những tư tưởng khởi đầu, đến Hàn Phi học thuyết pháp trị đã hiện ra dưới hình thái toàn vẹn, hoàn chỉnh của nó.⁽²⁰⁾

3.2. Hàn Phi Tử bổ sung cơ sở lí luận và phát triển thành học thuyết pháp trị

Không chỉ dừng lại ở thống nhất các học phái pháp trị, Hàn Phi còn kế thừa, tiếp thu cơ sở lí luận từ các học thuyết tư tưởng Nho, Lão và phát triển chúng theo quỹ đạo của pháp trị, được thể hiện qua các nội dung sau:

a. Thuyết “Tính ác”

Nhân sinh quan hay lí luận về bản tính con người là đặc điểm nổi bật của các học thuyết chính trị-pháp lí Trung Hoa. Hầu hết các học thuyết đều lấy việc xem xét bản chất con người làm điểm xuất phát cho các chủ trương cai trị. “Thuyết “tính ác” đã được gây mầm ở Pháp gia, trước khi được một đại biểu của Nho gia là Tuân Tử phát triển. Hàn Phi, học trò của Tuân Tử lại phát triển thêm để làm căn cứ cho toàn bộ lí luận của mình”.⁽²¹⁾ Là học trò của Tuân Tử, Hàn Phi thừa nhận bản tính của con người là ác nhưng nếu Tuân Tử cho rằng bản tính của con người có thể thay đổi nhờ giáo dục thì Hàn Phi cho rằng tính ác tiềm ẩn trong tất cả

mọi người là bất biến và được phát huy thêm bằng việc đưa ra thuyết luân lý cá nhân vị lợi, từ đó ông tách khỏi con đường của thầy để đi theo chủ trương pháp trị. Theo ông, tính người là ác bởi trừ một số ít thánh nhân còn hầu hết là thường nhân với nhiều tính xấu: tranh nhau vì lợi, lừa dối, chỉ phục tùng quyền lực; điều đó là khách quan nên không trông mong gì người dân làm điều thiện. Bằng lí luận về “Tính ác”, Hàn Phi đã luận chứng thuyết phục về pháp trị. Theo ông, tính ác với tính cách là bản tính tự nhiên của con người, là cái mà việc trị nước an dân phải kiểm chế và loại bỏ. Hệ quả tự nhiên của thuyết tính ác là phải cai trị và quản lí xã hội bằng pháp luật và dùng hình phạt nặng trừng trị, răn đe, ngăn ngừa cái ác để đảm bảo trị an.

b. Thuyết “Hình danh”

Để hoàn thiện công trình pháp trị đồ sộ, lí thuyết pháp trị cần được bổ sung về phương pháp luận. Vì vậy, Hàn Phi đã tiếp thu và phát triển học thuyết “chính danh” của Nho gia thành một trong những tiền đề lí luận quan trọng cho học thuyết của ông. Theo nho gia, “chính danh” là biện pháp quy định và giúp mọi người nhận rõ cương vị, quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong quan hệ với chức vụ và đẳng cấp tương ứng. Có xác định được danh phận thì mới điều hoà được các quan hệ, do đó “chính danh” được xem như là phương tiện để ổn định trật tự xã hội. Chính danh của Khổng Tử nhằm để minh phận, phân biệt sang hèn và nhắc mọi người nhớ đến bổn phận, đạo làm người của mình; ông yêu cầu mỗi người phải tự sửa mình để cho cái thực xứng với cái danh. Hàn

Phi thực tế hơn, ông chỉ sử dụng lí thuyết về quan hệ giữa danh và thực (hoặc hình) trong nghệ thuật dùng người. Theo quan điểm tính ác, Hàn Phi không đòi hỏi bọn quan lại phải có đạo đức nên ông hoàn toàn gạt bỏ tiêu chuẩn đạo đức ra ngoài; không đề cập chính danh mà chỉ nói đến danh và hình hoặc danh với thực. Ông đòi hỏi danh và hình (thực) phải hợp với nhau, dùng tiêu chuẩn phù hợp giữa danh và hình để đánh giá, phân biệt người ngay kẻ gian để sử dụng và thưởng phạt cho đúng. Như vậy, Khổng Tử đề ra thuyết chính danh và lấy chính danh để thiết lập xã hội trên cơ sở trật tự đẳng cấp từ trên xuống dưới; pháp gia thì bênh vực hình danh như là phương tiện để cho kẻ thống trị kiểm soát kẻ bị trị. Chính danh của Khổng Tử là để củng cố sự phân chia xã hội thành những tầng lớp khác nhau; hình danh của pháp gia là để xoá bỏ đẳng cấp, mọi người ngang nhau trước pháp luật.

c. Thuyết “Đạo” và “Lý”

Điều quan trọng hơn, theo Hàn Phi là phải xây dựng một thế giới quan làm cơ sở lí luận và xác định lập trường giai cấp cho pháp trị và ông đã tìm thấy ở lí thuyết của Lão Tử mà cơ sở là Đạo đức kinh. Kế thừa, phát triển quan điểm duy vật về thế giới của Lão Tử và Tuân Tử. Hàn Phi đã giải thích sự phát sinh, phát triển của vạn vật theo đạo và lí của chúng. Theo ông, đạo vừa là nguồn gốc của vạn vật, vừa là quy luật phổ biến, vì vậy nó không thay đổi. Còn lí là quy luật riêng, nên nó biến hoá không ngừng. Vì vậy, để nhận thức được sâu sắc sự vật và đạt được kết quả, mọi hoạt động của con người phải theo quy luật thể hiện đạo và tuân theo lí. Vận dụng

thuyết đạo và lí vào phép trị nước, ông cho rằng ngày nay cái lí (thời thế, hoàn cảnh...) đã thay đổi thì phép trị nước không thể viện dẫn theo đạo đức của Nho gia, kiêm ái của Mặc gia, vô vi của Đạo gia như trước nữa mà trong hoàn cảnh hiện tại (vương đạo suy vi, đất nước loạn lạc...) cần phải dùng pháp trị.

Học thuyết của ông được trình bày trên cơ sở tổng kết ba khuynh hướng tư tưởng của pháp trị, được xây dựng bằng dữ liệu lịch sử phong phú của Nho gia, thiết kế bằng phương pháp biện chứng của Lão gia, trở thành hệ thống tư tưởng chặt chẽ, có nội dung phong phú và sức cuốn hút rất lớn. Vì thế, ông được xem là người tiêu biểu nhất cho Pháp gia và là tập đại thành các tư tưởng về pháp trị trước đó. Nhờ sự tiếp thu cơ sở lí luận từ các học thuyết trên, Hàn Phi đã tiếp thêm sinh lực và nâng tư tưởng pháp trị lên tầm cao mới, trở thành học thuyết cai trị hoàn chỉnh với điểm xuất phát là thuyết phi thiện (coi bản tính con người là ích kỉ vụ lợi nên không thể dùng đức trị mà phải dùng pháp trị). Sự ra đời của học thuyết pháp trị gắn với công lao, tên tuổi của nhà tư tưởng vĩ đại Hàn Phi - tập đại thành của học thuyết pháp trị./.

(1). Tuân Tử (313 - 235 TCN), còn gọi là Huống, tức Tuân Khanh, là nhà tư tưởng Nho gia cuối thời Chiến Quốc. Ông sinh ở nước Triệu, làm việc cho Tề Tương Vương. Tuân Tử chính là thầy của Hàn Phi Tử và Lý Tư.

(2). Lý Tư (? - 208 TCN) là thừa tướng dưới đời Tần Thủy Hoàng. Ông là người có công lớn trong việc giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất chư hầu, đưa Trung Quốc trở thành nước phong kiến tập quyền, thống nhất về văn tự, đo lường, tư tưởng. Lý Tư thừa nhận Hàn Phi giỏi hơn mình.

(3). Nguyễn Hiến Lê đánh giá bộ “Hàn Phi Tử” có giá trị hơn bộ “Quân vương” (*Le Prince*) của Niccolò

Machiavelli (1469 - 1527) cả về tư tưởng lẫn bút pháp. Hai cuốn sách của hai bậc thầy tư tưởng vĩ đại, một của phương Đông và một của phương Tây, tuy nội dung khác nhau nhưng đều để lại cho hậu thế những bài học về “phép làm vua” và “thuật trị nước” mang giá trị đương đại sâu sắc.

(4). Tần Thủy Hoàng (259 - 210 TCN) tên húy là Doanh Chính, được xem là Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa vì đã có công tiêu diệt các nước chư hầu thời Chiến quốc, thống nhất Trung Quốc.

(5). Lịch sử thật trớ trêu: khi Hàn Phi có cơ hội gặp Tần Thủy Hoàng thì cũng là lúc ông vua này ra lệnh giết Hàn Phi (do Lý Tư vu oan hãm hại). Những bậc tiền bối của Pháp gia có công lớn với triều đình đều chết bất đắc kỳ tử: Ngô Khởi bị phân thân, Thương Ưởng bị xe cán xác, Hàn Phi thì bị ban học bức tử ở nước Tần. Đối với kết cục cuộc đời Hàn Phi bất công như vậy, Tư Mã Thiên đã than rằng: “*Điều tôi lấy làm đau buồn là Hàn Phi có thể viết ra thiên “Thuyết nan” sâu sắc và thấu triệt đến thế, cuối cùng lại không thoát được tai họa tiền ngôn*” (Sử kí, Hàn Phi liệt truyện).

(6). Theo Nguyễn Hiến Lê trong “*Sử Trung Quốc*”: Cái học của Hàn Phi vẫn được thi hành ở Tần và giúp Tần Thủy Hoàng hoàn thành sự nghiệp thống nhất Trung Quốc, lập chế độ quân chủ chuyên chế thay chế độ phong kiến.

(7). Quản Trọng (thế kỉ VI TCN) là người nước Tề, xuất thân từ giới bình dân nhưng rất có tài chính trị, được coi là người đầu tiên bàn về vai trò của pháp luật trong trị nước. Vì vậy, nhiều người xem ông là thầy tổ của Pháp gia và là cầu nối Nho gia với Pháp gia.

(8). Tử Sản (? - 522 TCN) họ Công Tôn, người tộc Quốc, tên là Kiều, còn có tên là Tử Mỹ, tên thụy là Thành Tử; là cháu của Trịnh Mục Công, chấp chính nước Trịnh hơn 20 năm. Ông là nhà cải cách kinh tế, xã hội, chính trị quan trọng của nước Trịnh thời Xuân Thu. Tư tưởng của ông là dùng pháp trị nhưng lại trọng dân. Chấp chính năm thứ tám, Tử Sản cho đúc Hình thư (vì thế có người tôn Tử Sản là cha đẻ của phái Pháp gia). Trước khi đặt ra luật lệ mới, ông để cho dân tự do phê bình, “dân thích điều gì thì ta theo, không thích thì ta sửa đổi. Dân là thầy của chúng ta mà”.

(9). Thân Bất Hại (401 - 337 TCN), là người nước Trịnh

chuyên học về hình danh, làm quan đến bậc tướng quốc. Thân Bất Hại đưa ra chủ trương li khai đạo đức, chống “Lễ” và đề cao “Thuật” trong phép trị nước.

(10). Tư Mã Thiên, *Sử ký*, tập 1, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1998, tr. 335.

(11). Thận Đáo (370 - 290 TCN), người nước Triệu - là tư tưởng gia thuần túy (không làm chính trị - quân lí). Chịu ảnh hưởng tư tưởng về đạo của Lão Tử nhưng về chính trị ông lại đề xướng đường lối trị nước bằng pháp luật. Nét chính trong tư tưởng của ông là trọng “Thế” mà trọng “Thế” thì tự nhiên trọng pháp luật. Được phong làm thượng đại phu dưới đời vua Tề Tuyên vương, Thận Đáo mong muốn thực hiện chủ trương chính trị của mình nhưng do xung đột gay gắt với các quý tộc cũ trong triều nên ông phải bỏ trốn.

(12). Lã Trần Vũ, *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964, tr. 182.

(13). Phan Ngọc, *Hàn Phi Tử*, Nxb. Thông tin, 1998, tr. 467.

(14). Thương Ưởng (390 - 338 TCN): nhà chính trị nổi tiếng thời Chiến quốc, người nước Vệ (nên gọi là Vệ Ưởng), tướng quốc nước Tần dưới đời vua Tần Hiếu Công, xuất thân từ một gia đình quý tộc sa sút. Ông đã hai lần giúp vua Tần cải cách pháp luật hành chính và kinh tế làm cho nước Tần trở nên hùng mạnh.

(15). Nguyễn Ngọc Huy, *Đề tài người ưu tú trong tư tưởng Trung Quốc cổ thời*, Nxb. Cấp tiến, 1969, tr. 226.

(16). Do đó, xét theo nghĩa hẹp thì Pháp và Lễ tách biệt nhau bởi vì Pháp đi liền với kiện tụng, hình phạt; còn Lễ thì không. Xét theo nghĩa rộng thì Pháp và Lễ không khác nhau mấy, tức đều là những quy tắc, nghi thức cần thiết để duy trì trật tự xã hội. Bàn về vấn đề này, Tuân Tử cho rằng: Lễ là cái phạt lớn của Pháp, là kỉ cương của mọi loài (Tuân Tử - Khuyến học) và “trái Lễ là không có pháp”.

(17). Phan Ngọc, *Hàn Phi Tử*, Nxb. Thông tin, 1998, tr. 478.

(18). Phan Ngọc, *Sđd*, tr. 468.

(19). Phan Ngọc, *Sđd*, tr. 257.

(20). Khẳng định điều này là cần thiết, giúp chúng ta phân biệt giữa “Đức trị” và “Pháp trị” (mặc dù trong tư tưởng pháp trị của Hàn Phi thì Nho là tài liệu xây dựng).

(21). Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông - giới những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, tr. 257.